

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Đánh giá lại xếp hạng tín nhiệm quốc tế năm 2024  
cho Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP

Phát hành ngày: 08 / 7 /2024

Ban hành kèm theo Quyết định số 631/QĐ-ĐLDK ngày 08 / 7 /2024

Bên mời thầu: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Giang

## MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT .....	2
TỪ NGỮ VIẾT TẮT .....	3
PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU .....	4
CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU .....	4
CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU .....	18
CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ BBG.....	20
CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU .....	23
PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CÔNG VIỆC.....	38
CHƯƠNG V. PHẠM VI CÔNG VIỆC.....	38

## MÔ TẢ TÓM TẮT

### PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

#### Chương I. Chỉ dẫn Nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp Nhà thầu chuẩn bị bản báo giá. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp bản báo giá, mở thầu, đánh giá bản báo giá và trao hợp đồng.

#### Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

#### Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá bản báo giá

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá bản báo giá và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu để thực hiện gói thầu.

#### Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của bản báo giá.

### PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

#### Chương V. Phạm vi công việc

Chương này bao gồm phạm vi cung cấp mà Nhà thầu phải thực hiện để thực hiện các dịch vụ liên quan.

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
YCBG	Yêu cầu báo giá
BBG	Bản báo giá
PV Power	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
USD	đô la Mỹ

**PHẦN 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**  
**CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

<p><b>1. Phạm vi gói thầu và nguồn vốn</b></p>	<p>1.1. Bên mời thầu quy định tại <b>BDL</b> phát hành bộ YCBG này để lựa chọn Nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm dịch vụ được mô tả trong Phần 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.</p> <p>1.2. Tên gói thầu quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>1.3 Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu</b></p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận BBG và được quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng được đề cập là thời gian và ngày tháng theo giờ Việt Nam (GMT+7).</p>
<p><b>3. Hành vi bị cấm</b></p>	<p>3.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>3.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu.</p> <p>3.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu;</li> <li>b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị BBG cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu;</li> <li>c) Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp hàng hóa, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận.</li> </ul> <p>3.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào;</li> <li>b) Cá nhân trực tiếp đánh giá BBG, thẩm định kết quả lựa chọn Nhà thầu cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu;</li> <li>c) Nhà thầu cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong BBG làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu.</li> </ul> <p>3.5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai</li> </ul>

sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Các hành vi cản trở đối với Nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

3.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là Nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư;

b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định YCBG đối với cùng một gói thầu;

c) Tham gia đánh giá BBG đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn Nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

d) Là cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn Nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc là người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu tham dự thầu;

đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hoá do mình cung cấp dịch vụ tư vấn trước đó;

e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi thôi việc tại cơ quan, tổ chức đó;

g) Áp dụng hình thức lựa chọn Nhà thầu không phải là hình thức đấu thầu rộng rãi khi không đủ điều kiện theo quy định.

h) Chia dự án, dự toán mua sắm thành các gói thầu trái với quy định nhằm mục đích chỉ định thầu hoặc hạn chế sự tham gia của các Nhà thầu.

3.7. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp quy định của pháp luật:

a) Nội dung YCBG trước thời điểm phát hành theo quy định;

b) Nội dung BBG, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng BBG trước khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu;

c) Nội dung yêu cầu làm rõ BBG của Bên mời thầu và trả lời của Nhà thầu trong quá trình đánh giá BBG trước khi công khai kết quả

	<p>lựa chọn Nhà thầu;</p> <p>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của Nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn Nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu;</p> <p>đ) Kết quả lựa chọn Nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn Nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của pháp luật.</p> <p>3.8. Chuyển nhượng thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho Nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của Nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết;</p> <p>b) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để Nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc trách nhiệm thực hiện của Nhà thầu, trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của Nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng.</p> <p>3.9. Tổ chức lựa chọn Nhà thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác định dẫn tới tình trạng nợ đọng vốn của Nhà thầu.</p>
<p><b>4. Tư cách hợp lệ của Nhà thầu</b></p>	<p>Tổ chức, đơn vị tham gia đấu thầu phải bảo đảm và tuân thủ các tiêu chí sau:</p> <p>4.1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà Nhà thầu đang hoạt động cấp.</p> <p>4.2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>4.4. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p>
<p><b>5. Nội dung của YCBG</b></p>	<p>5.1. YCBG gồm có các Phần 1, 2 và cùng với tài liệu sửa đổi YCBG theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chỉ dẫn Nhà thầu;</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá BBG;</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu dự thầu.</li> </ul>

	<p><b>Phần 2. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:</b></p> <p>- Chương V. Phạm vi cung cấp.</p> <p>5.2. Thư mời thầu/thông báo mời thầu do Bên mời thầu phát hành hoặc cung cấp không phải là một phần của YCBG.</p> <p>5.3. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của YCBG, tài liệu giải thích làm rõ YCBG, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi YCBG theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu. Các tài liệu do Nhà thầu nhận được nếu có mâu thuẫn về nội dung thì tài liệu do Bên mời thầu phát hành sẽ có ý nghĩa quyết định.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong YCBG để chuẩn bị lập BBG của mình bao gồm tất cả thông tin hay tài liệu theo yêu cầu của YCBG.</p>
<p><b>6. Làm rõ YCBG</b></p>	<p>6.1. Trong trường hợp cần làm rõ YCBG, Nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu hoặc đặt câu hỏi trong hội nghị tiền đấu thầu (nếu có). Khi Bên mời thầu nhận được đề nghị làm rõ YCBG của Nhà thầu trước thời điểm đóng thầu tối thiểu một số ngày theo quy định tại <b>BDL</b>, Bên mời thầu phải có văn bản trả lời tất cả các yêu cầu làm rõ YCBG. Bên mời thầu sẽ gửi văn bản làm rõ YCBG cho Nhà thầu có yêu cầu làm rõ YCBG và tất cả Nhà thầu khác đã nhận YCBG từ Bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên Nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi YCBG thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi YCBG theo thủ tục quy định tại Mục 7 và Mục 19.2 CDNT.</p> <p>6.2. Trong trường hợp cần thiết, Bên mời thầu tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong YCBG mà các Nhà thầu thấy chưa rõ. Nội dung trao đổi sẽ được Bên mời thầu ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ YCBG, gửi cho tất cả Nhà thầu đã mua hoặc nhận YCBG từ Bên mời thầu. Trong trường hợp YCBG cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Bên mời thầu sẽ phát hành văn bản sửa đổi YCBG như quy định tại Mục 7 CDNT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi YCBG. Việc không tham gia hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại Nhà thầu.</p>
<p><b>7. Sửa đổi YCBG</b></p>	<p>7.1. Việc sửa đổi YCBG được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi YCBG.</p> <p>7.2. Văn bản sửa đổi YCBG được coi là một phần của YCBG và phải được thông báo bằng văn bản tới tất cả các Nhà thầu đã nhận YCBG từ Bên mời thầu.</p> <p>7.3. Thời gian gửi văn bản sửa đổi YCBG đến các nhà thầu đã nhận YCBG từ Bên mời thầu theo thời gian quy định tại <b>BDL</b>. Nhằm giúp Nhà thầu có đủ thời gian hợp lý để sửa đổi BBG, Bên mời thầu có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục</p>



	17.2 CDNT. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu là đã nhận được tài liệu sửa đổi đó bằng một trong các cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.
<b>8. Chi phí dự thầu</b>	Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của Nhà thầu.
<b>9. Ngôn ngữ của BBG</b>	BBG cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến BBG trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng ngôn ngữ quy định tại <b>BDL</b> .
<b>10. Thành phần của BBG</b>	BBG phải bao gồm các thành phần sau: 11.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 11 CDNT; 11.2. Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp Nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu (nếu có); 11.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của Nhà thầu theo quy định tại Mục 4 CDNT; 11.4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự thầu; 11.6. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu theo quy định tại Mục 15 CDNT; 11.7. Đề xuất về các tài liệu chứng minh sự phù hợp của dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 14 CDNT; 11.8. Đề xuất về giá và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 12 CDNT; 11.9. Các nội dung khác theo quy định tại <b>BDL</b> .
<b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b>	Nhà thầu phải lập đơn dự thầu và các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.
<b>12. Giá dự thầu và giảm giá</b>	12.1. Giá dự thầu là giá do Nhà thầu ghi trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu quy định tại Phần 2 – Yêu cầu về phạm vi công việc. 12.2. Nhà thầu phải nộp BBG cho toàn bộ công việc được mô tả trong Mục 1.1 CDNT và ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Mô tả dịch vụ” theo các mẫu tương ứng quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” và cột “thành tiền” Nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà thầu đã phân bổ giá của dịch vụ này vào các dịch vụ khác thuộc gói thầu, Nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp dịch vụ theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trong mỗi Bảng giá, Nhà thầu phải chào theo quy định tại <b>BDL</b> . 12.3. Trường hợp Nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp

	<p>vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, Nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong cột “Mô tả dịch vụ”. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong cột “Mô tả dịch vụ”. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong BBG hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được Bên mời thầu bảo quản như một phần của BBG và được mở đồng thời cùng BBG của Nhà thầu.</p> <p>12.4. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong YCBG, trường hợp Nhà thầu có đơn giá bất thường, Bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu làm rõ về cơ cấu đơn giá đó theo quy định tại Mục 22 CDNT.</p> <p>Giá dự thầu của Nhà thầu chưa bao gồm các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>12.5. Trường hợp Nhà thầu phát hiện khối lượng của các hạng mục công việc nêu trong cột “Mô tả dịch vụ” chưa chính xác so với thiết kế hoặc yêu cầu nêu tại Phần 2 – Yêu cầu phạm vi công việc, Nhà thầu có thể thông báo cho Bên mời thầu và lập một bảng chào giá riêng cho phần khối lượng sai khác này để Bên mời thầu xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.</p>
<p><b>13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b></p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>14. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của dịch vụ liên quan</b></p>	<p>14.1. Để chứng minh sự phù hợp của dịch vụ liên quan so với yêu cầu của YCBG, Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của BBG để chứng minh rằng dịch vụ mà Nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Chương V – Phạm vi công việc.</p> <p>14.2. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của dịch vụ liên quan có thể là các hợp đồng tương tự đã thực hiện hoặc các báo cáo/dăng tải liên quan đến các hợp đồng tương tự đã thực hiện.</p>
<p><b>15. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu</b></p>	<p>15.1. Nhà thầu phải ghi các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá BBG. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bên mời thầu.</p> <p>15.2. Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của Nhà thầu nếu được trúng thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>16. Thời hạn có hiệu lực của</b></p>	<p>16.1. BBG phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại <b>BDL</b>. BBG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không</p>

<b>BBG</b>	<p>được tiếp tục xem xét, đánh giá.</p> <p>16.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của BBG, Bên mời thầu có thể đề nghị các Nhà thầu gia hạn hiệu lực của BBG. Nếu Nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của BBG thì BBG của Nhà thầu không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của BBG. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.</p>
<b>17. Thời điểm đóng thầu</b>	<p>17.1. Nhà thầu nộp BBG trực tiếp về Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>17.2. Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi YCBG theo quy định tại Mục 7 CDNT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Bên mời thầu và Nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<b>18. Nộp BBG</b>	<p>Nhà thầu chỉ nộp một bộ BBG. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp BBG sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p>
<b>19. Rút, thay thế và sửa đổi BBG</b>	<p>19.1. Trường hợp cần sửa đổi BBG đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ BBG đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện BBG, nhà thầu tiến hành nộp lại BBG mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp BBG trước khi bên mời thầu thực hiện sửa đổi YCBG (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại BBG mới phù hợp với YCBG đã được sửa đổi.</p> <p>19.2. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại BBG trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các BBG nộp thành công đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<b>20. Mở thầu</b>	<p>20.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên website của PV Power trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu nộp BBG thì Bên mời thầu mở thầu ngay mà không phải xử lý tình huống theo quy định. Trường hợp không có nhà thầu nộp BBG, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu.</p> <p>20.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên website của PV Power, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Tên Bên mời thầu;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;</li> <li>- Tổng số nhà thầu tham dự.</li> </ul> <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của BBG;</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng;</li> <li>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</li> </ul>
<p><b>21. Bảo mật</b></p>	<p>21.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá BBG và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các Nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn Nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong BBG của Nhà thầu này cho Nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở thầu.</p> <p>21.2. Trừ trường hợp làm rõ BBG theo quy định tại Mục 22 CDNT và thương thảo hợp đồng, Nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến BBG của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu.</p>
<p><b>22. Làm rõ BBG</b></p>	<p>22.1. Sau khi mở thầu, Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ BBG theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả các yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của Nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp BBG của Nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu Nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ BBG bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.</p> <p>22.2. Việc làm rõ BBG giữa Nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện thông qua văn bản hoặc email.</p> <p>22.3. Trong khoảng thời gian theo quy định tại <b>BDL</b>, trường hợp Nhà thầu phát hiện BBG của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của BBG. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho Nhà</p>

	<p>thầu về việc đã nhận được các tài liệu làm rõ của Nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.</p> <p>22.4. Việc làm rõ BBG chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và Nhà thầu có BBG cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ BBG được Bên mời thầu bảo quản như một phần của BBG. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá BBG của Nhà thầu theo BBG nộp trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>22.5. Trường hợp cần thiết, Bên mời thầu có thể gửi văn bản yêu cầu Nhà thầu có khả năng trúng thầu đến làm việc trực tiếp với Bên mời thầu để làm rõ BBG. Nội dung làm rõ BBG phải được ghi cụ thể thành biên bản. Việc làm rõ BBG trong trường hợp này phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch.</p>
<p><b>23. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</b></p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá BBG:</p> <p>23.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong YCBG;</p> <p>23.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong YCBG;</p> <p>23.3. “Bỏ sót nội dung” là việc Nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong YCBG.</p>
<p><b>24. Xác định tính đáp ứng của BBG</b></p>	<p>24.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của BBG dựa trên nội dung của BBG theo quy định tại Mục 10 CDNT.</p> <p>24.2. BBG đáp ứng cơ bản là BBG đáp ứng các yêu cầu nêu trong YCBG mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong BBG mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng của dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với YCBG đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của Nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của Nhà thầu khác có BBG đáp ứng cơ bản yêu cầu của YCBG.</p> <p>24.3. Nếu BBG không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong YCBG thì BBG đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong BBG đó nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản YCBG.</p>

<p><b>25. Sai sót không nghiêm trọng</b></p>	<p>25.1. Với điều kiện BBG đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong YCBG thì Bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung trong BBG.</p> <p>25.2. Với điều kiện BBG đáp ứng cơ bản YCBG, Bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong BBG liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu. Nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của Bên mời thầu thì BBG của Nhà thầu có thể sẽ bị loại.</p> <p>25.3. Với điều kiện BBG đáp ứng cơ bản YCBG, Bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu. Theo đó, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các BBG.</p>
<p><b>26. Nhà thầu phụ</b></p>	<p>26.1. Nhà thầu chính được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ kê khai theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của Nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do Nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá BBG của Nhà thầu chính (trừ trường hợp YCBG quy định được phép sử dụng Nhà thầu phụ đặc biệt). Bản thân Nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí năng lực (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu phụ).</p> <p>Trường hợp trong BBG, nếu Nhà thầu chính không đề xuất sử dụng Nhà thầu phụ cho một công việc cụ thể hoặc không dự kiến các công việc sẽ sử dụng Nhà thầu phụ thì được hiểu là Nhà thầu chính có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các công việc thuộc gói thầu. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát hiện việc sử dụng Nhà thầu phụ thì Nhà thầu chính sẽ được coi là vi phạm hành vi “chuyển nhượng thầu” theo quy định tại Mục 3 CDNT.</p> <p>26.2. Nhà thầu chính không được sử dụng Nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng Nhà thầu phụ nêu trong BBG; việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ ngoài danh sách các Nhà thầu phụ đã nêu trong BBG chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng Nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng Nhà thầu phụ, ngoài danh sách các Nhà thầu phụ đã nêu trong BBG mà chưa</p>

	<p>được Chủ đầu tư chấp thuận được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.</p> <p>26.3. Chủ đầu tư có thể cho phép Nhà thầu chính sử dụng Nhà thầu phụ đặc biệt theo quy định tại <b>BDL</b>. Trong trường hợp này, Nhà thầu chính phải kê khai danh sách Nhà thầu phụ đặc biệt. Bên mời thầu sẽ đánh giá năng lực, kinh nghiệm của Nhà thầu phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại YCBG. Trường hợp Nhà thầu phụ đặc biệt không đáp ứng yêu cầu của YCBG và Nhà thầu chính có năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho Nhà thầu phụ đặc biệt thì BBG của Nhà thầu được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của YCBG.</p>
<p><b>27. Đánh giá BBG</b></p>	<p>27.1. Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chí đánh giá liệt kê trong Mục này và phương pháp đánh giá theo quy định tại <b>BDL</b> để đánh giá các BBG. Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác.</p> <p>27.2. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của BBG:</p> <p>a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của BBG được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá BBG;</p> <p>b) Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.</p> <p>27.3. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:</p> <p>a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III – Tiêu chuẩn đánh giá BBG;</p> <p>b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về giá</p> <p>27.4. Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng Nhà thầu trình Chủ đầu tư phê duyệt. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Việc xếp hạng Nhà thầu thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>
<p><b>28. Thương thảo hợp đồng</b></p>	<p>28.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá BBG;</p> <p>b) BBG và các tài liệu làm rõ BBG (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) YCBG và các tài liệu làm rõ, sửa đổi YCBG (nếu có).</p> <p>28.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa</p>

phù hợp, thống nhất giữa YCBG và BBG, giữa các nội dung khác nhau trong BBG có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Không thương thảo đối với các nội dung nhà thầu chào đúng theo yêu cầu của YCBG.

### 28.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về nhân sự:

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong BBG hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá BBG kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu;

b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

c) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 25 CDNT;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

28.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá.

28.5. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng



	<p>tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 30. CDNT.</p> <p>28.6. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với bên mời thầu, bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<b>29. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>29.1. Có BBG hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>29.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>29.3. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>29.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>BDL</b>;</p> <p>29.5. Có giá đề nghị trúng thầu (chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<b>30. Hủy thầu</b>	<p>30.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tất cả BBG không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong YCBG;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong YCBG;</p> <p>c) YCBG không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến Nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án;</p> <p>d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu.</p> <p>3.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu (theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 30.1 CDNT) phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<b>31. Thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu</b>	<p>31.1. Trong thời hạn quy định tại <b>BDL</b>, Bên mời thầu phải gửi thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu cho các Nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax hoặc email và đăng tải kết quả lựa chọn Nhà thầu trên website của PV Power. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên gói thầu;</p> <p>b) Tên Nhà thầu trúng thầu;</p> <p>c) Địa chỉ giao dịch hiện tại của Nhà thầu trúng thầu;</p> <p>d) Giá trúng thầu;</p>

	<p>đ) Loại hợp đồng;</p> <p>e) Thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>g) Danh sách Nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng Nhà thầu.</p> <p>31.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 30.1 CDNT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> <p>31.3. Sau khi thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu theo quy định tại Mục 31.1 CDNT, nếu Nhà thầu không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa là 5 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu Bên mời thầu phải có văn bản trả lời gửi cho Nhà thầu.</p>
<b>33. Thông báo chấp thuận BBG</b>	<p>Đồng thời với văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận BBG, bao gồm cả thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng cho Nhà thầu trúng thầu với điều kiện Nhà thầu đã được xác minh là đủ năng lực để thực hiện tốt hợp đồng. Thông báo chấp thuận BBG là một phần của hồ sơ hợp đồng.</p>
<b>34. Điều kiện ký kết hợp đồng</b>	<p>34.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, BBG của Nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>34.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế Nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong YCBG thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với Nhà thầu. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu, thông báo chấp thuận BBG và trao hợp đồng trước đó và mời Nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.</p> <p>34.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<b>35. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b>	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, Nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn Nhà thầu, kết quả lựa chọn Nhà thầu đến Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại <b>BDL</b>. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định hiện hành.</p>
<b>36. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn Nhà thầu</b>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, Nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>

## CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.1	Tên Bên mời thầu là: Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP.
CDNT 1.2	Tên gói thầu: Đánh giá lại xếp hạng tín nhiệm quốc tế năm 2024 cho Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.
CDNT 1.3	<p>Nguồn vốn: Chi phí SXKD và chi phí dự phòng SXKD của Tổng công ty năm 2024.</p> <p>Việc tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo (i) Quyết định số 656/QĐ-ĐLDK ngày 19/10/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý hoạt động mua sắm hàng hóa dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP và các quyết định sửa đổi, bổ sung (ii) Quyết định số 441/QĐ-ĐLDK ngày 05/6/2023 của Tổng giám đốc Tổng công ty về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP và các quyết định sửa đổi, bổ sung.</p>
CDNT 4.3	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các Nhà thầu tư vấn (*); không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định dự toán;</li> <li>+ Tư vấn lập, thẩm định YCBG;</li> <li>+ Tư vấn đánh giá BBG; thẩm định kết quả lựa chọn Nhà thầu.</li> </ul> </li> </ul> <p>(*): Nhà thầu tư vấn là Nhà thầu độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với chủ đầu tư, bên mời thầu.</p>
CDNT 6.1	Bên mời thầu phải nhận được yêu cầu giải thích làm rõ YCBG không muộn hơn <b>03 ngày</b> làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 7.3	<p>Tài liệu sửa đổi YCBG sẽ được Bên mời thầu gửi đến tất cả các Nhà thầu đã nhận YCBG từ Bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu <b>02 ngày</b> làm việc.</p> <p>Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi YCBG không đáp ứng theo quy định thì Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.</p>
CDNT 9	BBG cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến BBG trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Anh. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong BBG có thể được viết bằng ngôn ngữ khác đồng thời kèm theo bản dịch thuật có công chứng tiếng Anh. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.
CDNT 12.2	Giá của dịch vụ chưa bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo Mẫu số 04 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.
CDNT 13	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là USD

CDNT 15.2	- Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu bao gồm: Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt theo mẫu số 7 và Bản lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt theo mẫu số 8 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu.
CDNT 16.1	Thời hạn hiệu lực của BBG là: <b>60 ngày</b> , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 17.1	Nhà thầu nộp BBG trực tiếp về Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần trước thời điểm đóng thầu là 15 giờ (giờ Việt Nam) ngày 15 tháng 7 năm 2024 theo địa chỉ như sau: - Nơi nhận: Ban Tài chính kế toán Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP; - Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội; - Cán bộ liên hệ: Xuân Thùy Hương Ly + Email: xuanthuyhuongly@pvpower.vn + Điện thoại: 024.222.10288 / Ext. 6643
CDNT 23.1	Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc 15 giờ 30 phút (giờ Việt Nam) ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – công ty cổ phần.
CDNT 25.3	Nhà thầu được tự gửi tài liệu để làm rõ BBG đến Bên mời thầu trong vòng: <b>03 ngày</b> làm việc, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 27.1	Phương pháp đánh giá BBG là: a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt; b) Đánh giá về giá: Áp dụng phương pháp giá thấp nhất.
CDNT 27.4	Xếp hạng Nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
CDNT 29.4	Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
CDNT 31.1	Thời hạn gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu là <b>05 ngày</b> làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu.
CDNT 35	- Địa chỉ thực hiện theo dõi, giám sát của Chủ đầu tư: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt nam - CTCP Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính – phường Yên Hòa – quận Cầu Giấy - Hà Nội. Điện thoại: (024) 22210 288 Fax: (024) 222010 388
CDNT 36	- Địa chỉ thực hiện theo dõi, giám sát của Chủ đầu tư: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt nam - CTCP Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính – phường Yên Hòa – quận Cầu Giấy - Hà Nội. Điện thoại: (024) 22210 288 Fax: (024) 222010 388

### CHƯƠNG III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ BBG

#### Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của BBG

BBG của Nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc BBG;
- b) Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của YCBG. Đối với Nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với thời gian theo yêu cầu của YCBG;
- d) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- e) Thời hạn hiệu lực của BBG đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNT;
- f) Không có tên trong hai hoặc nhiều BBG với tư cách là Nhà thầu chính (Nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu;
- g) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV – Biểu mẫu dự thầu;
- h) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 4 CDNT.

Nhà thầu có BBG hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

#### Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. BBG được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

TT	Yêu cầu, nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
1	Nhà thầu phải là một cơ quan xếp hạng tín dụng nổi tiếng và được công nhận trên toàn thế giới.	Đáp ứng yêu cầu	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt

TT	Yêu cầu, nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng	
2	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 3 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ cho doanh nghiệp trong lĩnh vực điện ở Việt Nam trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến thời điểm đóng thầu.	Đáp ứng yêu cầu	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
3	Nhà thầu cũng phải có đủ nguồn lực để phân bổ cho dự án này, đồng thời có kiến thức và kinh nghiệm liên quan trong việc đánh giá khả năng tín dụng của các công ty con của doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp trong lĩnh vực điện tại Việt Nam.	Đáp ứng yêu cầu	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt

**Ghi chú:** Các tài liệu chứng minh phải được đính kèm và có thể ẩn những thông tin liên quan đến bảo mật.

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về giá – Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có);

Bước 6. Xếp hạng Nhà thầu: BBG có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện BBG đáp ứng căn bản YCBG, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” Nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng

yêu cầu nêu trong YCBG và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong YCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong YCBG;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về số lượng hàng hóa cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của Nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu về số lượng hàng hóa cung cấp mà không có đơn giá tương ứng trong BBG của Nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà Nhà thầu chào thiếu trong số các BBG khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BBG của các Nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một Nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong BBG của Nhà thầu này; trường hợp BBG của Nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

*(Không áp dụng)*

b) Trường hợp Nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

## CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

STT	Nội dung	Áp dụng Mẫu	Ghi chú	Cách thức thực hiện
1	Đơn dự thầu	Mẫu số 1 (a)	Áp dụng trong trường hợp Nhà thầu có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá	Đính kèm BBG
		Mẫu số 1 (b)	Áp dụng trong trường hợp Nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu	Đính kèm BBG
2	Giấy ủy quyền	Mẫu số 2	Chỉ áp dụng trong trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà thầu có ủy quyền trong đấu thầu	Đính kèm BBG
3	Thỏa thuận liên danh	Mẫu số 3	Chỉ áp dụng trong trường hợp Nhà thầu liên danh tham dự thầu	Đính kèm BBG
4	Bảng giá dự thầu	Mẫu số 4	Bảng tổng hợp giá dự thầu	Đính kèm BBG
5	Bản kê khai thông tin về Nhà thầu	Mẫu số 5 (a)		Đính kèm BBG
	Bản kê khai thông tin về thành viên của Nhà thầu liên danh	Mẫu số 5 (b)	Chỉ áp dụng trong trường hợp Nhà thầu liên danh tham dự thầu	Đính kèm BBG
6	Phạm vi công việc sử dụng Nhà thầu phụ	Mẫu số 6	Chỉ áp dụng trong trường hợp sử dụng Nhà thầu phụ	Đính kèm BBG
7	Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt	Mẫu số 7		Đính kèm BBG
8	Bản lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt	Mẫu số 8		Đính kèm BBG



**ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(áp dụng trong trường hợp Nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá riêng)*

Ngày: \_\_\_ [ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]

Tên gói thầu: \_\_\_ [ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]

Kính gửi: \_\_\_ [ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi yêu cầu báo giá số \_\_\_ [ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_ [ghi tên Nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_ [ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với tổng số tiền là \_\_\_ [ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]<sup>(2)</sup> cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_ [ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]<sup>(3)</sup>.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một bản báo giá này với tư cách là Nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong bản báo giá là trung thực.

Bản báo giá này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_<sup>(4)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(5)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của Nhà thầu<sup>(6)</sup>**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, Nhà thầu, thời gian có hiệu lực của BBG, được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp tiến độ hoàn thành nêu trong BBG.

(4) Thời gian có hiệu lực của BBG được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong YCBG. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(5) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 17.1 **BDL**.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp Nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với Nhà thầu độc lập. Nếu Nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì Nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 3 CDNT.

**ĐƠN DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(áp dụng trong trường hợp Nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu)*

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Tên gói thầu: *[ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Kính gửi: *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi yêu cầu báo giá số \_\_\_\_ *[ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ *[ghi tên Nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với tổng số tiền là \_\_\_\_ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]* <sup>(2)</sup> cùng với bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là: \_\_\_\_ *[ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_ *[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* <sup>(3)</sup>.

Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ *[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]* <sup>(4)</sup>.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một bản báo giá này với tư cách là Nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong bản báo giá là trung thực.

Bản báo giá này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ <sup>(5)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(6)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của Nhà thầu <sup>(7)</sup>**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, Nhà thầu, thời gian có hiệu lực của BBG, được đại diện hợp pháp của Nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng

mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(4) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về tiến độ hoàn thành nêu trong BBG.

(5) Thời gian có hiệu lực của BBG được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong YCBG. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(6) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 17.1 **BDL**.

(7) Trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp Nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với Nhà thầu độc lập. Nếu Nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì Nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 3 CDNT.

**GIẤY ỦY QUYỀN<sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của Nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] do \_\_\_\_ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ YCBG và văn bản giải trình, làm rõ BBG hoặc văn bản đề nghị rút BBG, sửa đổi, thay thế BBG;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn<sup>(2)</sup>.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu]. \_\_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Bên mời thầu giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]

**Người ủy quyền**

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
Nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của Nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày . tháng . năm \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu]

Căn cứ yêu cầu báo giá gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ [ngày được ghi trên YCBG];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** \_\_\_\_\_ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên

gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(3)</sup>:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ YCBG và văn bản giải trình, làm rõ BBG hoặc văn bản đề nghị rút BBG, sửa đổi, thay thế BBG;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây<sup>(4)</sup>:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____ % - ____ %
....	....	....	.....
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>

**Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

## **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.



## BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Dịch vụ liên quan 1	(I)
2	Dịch vụ liên quan 2	(II)
	<b>Tổng cộng giá dự thầu</b> <i>(Kết chuyển sang đơn dự thầu)</i>	<b>(I) + (II)</b>

**Đại diện hợp pháp của Nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

## BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: \_\_\_\_\_  
 Tên gói thầu: \_\_\_\_\_

Tên Nhà thầu: __ [ghi tên Nhà thầu]
<i>Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh</i>
Nơi Nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: __ [ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]
Năm thành lập công ty: __ [ghi năm thành lập công ty]
Địa chỉ hợp pháp của Nhà thầu: __ [tại nơi đăng ký]
Thông tin về đại diện hợp pháp của Nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà Nhà thầu đang hoạt động cấp.

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA  
NHÀ THẦU LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_\_\_  
Tên gói thầu: \_\_\_\_\_

Tên Nhà thầu liên danh:
Tên thành viên của Nhà thầu liên danh:
Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:
Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:
Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ e-mail: _____
<p>1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp...</p> <p>2. Trình bày sơ đồ tổ chức.</p>

Ghi chú:

(1) Trường hợp Nhà thầu liên danh thì từng thành viên của Nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>

STT	Tên nhà thầu phụ <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc <sup>(3)</sup>	Khối lượng công việc <sup>(4)</sup>	Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup>	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ <sup>(6)</sup>
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, nhà thầu phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

- Đối với từng vị trí công việc quy định tại Mẫu này thì nhà thầu phải kê khai các thông tin chi tiết theo Mẫu số 08 Chương này.

- Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá BBG và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

1	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
3	Vị trí công việc
	Tên
4	Vị trí công việc
	Tên
5	Vị trí công việc
	Tên
....	Vị trí công việc
	Tên

**BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu dưới đây và phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan.

Vị trí		
Thông tin nhân sự	Tên	Ngày, tháng, năm sinh:
	Trình độ chuyên môn	
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động	
	Địa chỉ của người sử dụng lao động	
	Điện thoại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)
	Fax	E-mail
	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại

## PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CÔNG VIỆC

### CHƯƠNG V. PHẠM VI CÔNG VIỆC

1. Đánh giá xếp hạng tín nhiệm cho PV Power: các tổ chức xếp hạng phải áp dụng các phương pháp xếp hạng tín nhiệm liên quan đối với các công ty trong lĩnh vực điện, xem xét tất cả các yếu tố tín nhiệm liên quan, bao gồm tầm quan trọng của PV Power đối với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Chính phủ Việt Nam.
2. Phát hành Báo cáo chi tiết: Sau khi đánh giá xếp hạng tín nhiệm, tổ chức xếp hạng sẽ thực hiện soạn thảo và phát hành một báo cáo xếp hạng tín nhiệm chi tiết về PV Power, trong đó nêu rõ các điểm mạnh và yếu về mức tín nhiệm của công ty và lý do cho bậc xếp hạng tín nhiệm đã đánh giá. Để tránh hiểu lầm, các báo cáo này sẽ không được phát hành cho công chúng hoặc thị trường mà không có sự đồng ý bằng văn bản từ PV Power.
3. Cung cấp giám sát: Cung cấp giám sát thường xuyên về công ty, **đánh giá lại trong trường hợp các yếu tố ảnh hưởng trọng yếu đến mức xếp hạng tín nhiệm thay đổi và duy trì mức xếp hạng tín nhiệm đã đánh giá trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.**